

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **30/2017/DSST**.

Ngày: 17/8/2017.

V/v: Tranh chấp về hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hạ Hải Hồ.

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông Lưu Xuân Vĩnh.
2. Ông Dương Thế Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tân – Thư ký TAND huyện Tánh Linh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2017, tại Hội trường nhà văn hóa thôn 6, xã N, huyện Tánh Linh; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2017/TLST – DS ngày 21/4/2017; về việc “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2017/QĐST-DS ngày 05 tháng 7 năm 2017 và Thông báo mở lại phiên Tòa số 16/2017/TB-TA, ngày 01/8/2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1968; Trú tại: Thôn 3, xã Đ, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn T, sinh năm 1972; Bà Trần Thị Th, sinh năm 1973; Cùng trú địa chỉ: Thôn 7, xã N, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận. Vắng mặt.

3. *Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Văn Y, sinh năm 1966; Trú tại: Thôn 3, xã Đ, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn - bà Nguyễn Thị V yêu cầu:

Bà V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà Th, ông T phải trả số tiền vay gốc là 115.000.000đ, không yêu cầu tính lãi. Cụ thể, trong khoảng thời gian từ ngày 04/3/2016 đến ngày 20/01/2017, vợ chồng bà Th, ông T đã vay của bà V tổng

cộng 125.000.000đ, gồm các lần: lần thứ nhất vào ngày 04/3/2016 vợ chồng bà Th vay 60.000.000đ; lần thứ hai vào ngày 09/3/2016 vợ chồng bà Th vay 50.000.000đ và lần thứ 3 vào ngày 20/01/2017 vợ chồng và Th vay 15.000.000đ. Hai bên có viết giấy vay tiền giao bà V giữ. Sau khi vay, vợ chồng bà Th đã trả cho bà V được số tiền 10.000.000đ. Số tiền còn nợ là 115.000.000đ đến nay nhiều lần bà V yêu cầu vợ chồng bà Th trả tiền vay nhưng vợ chồng bà Th không thực hiện.

Bị đơn - vợ chồng bà Trần Thị Th, ông Nguyễn T trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Vợ chồng bà Th công nhận từ ngày 04/3/2016 đến ngày 20/01/2017, vợ chồng bà Th, ông T đã vay của bà V tổng cộng 125.000.000đ như bà V đã trình bày. Khi vay tiền, hai bên có viết giấy vay tiền cho bà V giữ. Sau khi vay vợ chồng bà Th đã trả cho bà V được 10.000.000đ. Hiện nay, vợ chồng bà Th công nhận còn thiếu bà V số tiền vay gốc là 115.000.000 đồng và đồng ý trả cho bà V số tiền còn thiếu nhưng chưa có điều kiện nên xin trả dần.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan - ông Nguyễn Văn Y trình bày:

Ông Y và bà V có mối quan hệ là vợ chồng. Số tiền mà vợ chồng bà Th còn nợ là tài sản chung của vợ chồng ông Y, bà V; Ông Y yêu cầu bị đơn trả nợ vay cho vợ chồng ông Y.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của BLTTDS về quyền và nghĩa vụ của đương sự. Tuy nhiên, bị đơn mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bà Th, ông T vẫn vắng mặt không có lý do; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

- Quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V. Buộc vợ chồng bà Trần Thị Th, ông Nguyễn T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng bà V số tiền còn nợ là 115.000.000đ; Buộc vợ chồng bà Th, ông T phải nộp 5.750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà V số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nghe các đương sự trình bày; nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Linh phát biểu ý kiến, quan điểm giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn – vợ chồng bà Trần Thị Th, ông Nguyễn T vắng mặt tại phiên tòa. Mặc dù Tòa án đã niêm yết hợp lệ giấy triệu tập đến lần thứ hai nhưng bà Th, ông T vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp trong vụ án: Do từ ngày 04/3/2016 đến ngày 20/01/2017, vợ chồng bà Trần Thị Th, ông Nguyễn T nhiều lần vay tiền của bà Nguyễn Thị V nhưng sau đó không trả tiền vay gốc nên bà V đã khởi kiện vợ chồng bà Th tại Tòa án, yêu cầu phải trả tiền vay gốc. Bị đơn - vợ chồng bà Th, ông T công nhận có vay tiền và đồng ý trả số tiền đã vay. Do đó HĐXX thấy có đủ cơ sở để xác định quan hệ tranh chấp cần giải quyết trong vụ án này là “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” là phù hợp với quy định tại khoản 3, Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 463 Bộ luật dân sự 2015.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Nguyễn Thị V:

Tại phiên Tòa hôm nay, nguyên đơn - bà Nguyễn Thị V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc vợ chồng bà Trần Thị Th, ông Nguyễn T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng bà Nguyễn Thị V, ông Nguyễn Văn Y số tiền đã vay là 115.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Bởi vì vào ngày 04/3/2016, vợ chồng bà Th vay của vợ chồng bà V 60.000.000đ; đến ngày 09/3/2016 vợ chồng bà Th tiếp tục vay 50.000.000đ và ngày 20/01/2017 vợ chồng bà Th vay 15.000.000đ; tổng số tiền vợ chồng bà Th vay của vợ chồng bà V là 125.000.000 đồng nhưng sau đó bà Th có trả cho bà V được 10.000.000 đồng, hiện nay còn nợ lại số tiền vay gốc là 115.000.000 đồng chưa trả. Số tiền mà vợ chồng bà Th còn thiếu là tài sản chung của vợ chồng bà V, ông Y.

Thể hiện trong những tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ; tại bút lục số 14 thì bà Trần Thị Th công nhận có vay tiền của vợ chồng bà V theo số tiền vay gốc và từng thời điểm vay như bà V đã trình bày; bà Th công nhận chữ ký trong các giấy vay tiền do bà V cung cấp là chữ ký của bà Th và bà Th cũng đồng ý trả số tiền còn thiếu cho vợ chồng bà V chứ không có ý kiến gì. Tuy nhiên vợ chồng bà Th không có điều kiện trả một lần mà đề nghị cho trả dần trong thời gian khoảng 3 tháng. Mặc dù vợ chồng bà Th đã công nhận số tiền còn thiếu và đồng ý trả nợ nhưng khi Tòa án thông báo tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải thì vợ chồng bà Th vắng mặt, không chấp hành nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải mà phải đưa vụ án ra xét xử công khai.

Như vậy, giữa vợ chồng bà V với vợ chồng bà Th, ông T đã thống nhất được với nhau về quan hệ tranh chấp, về số tiền nợ phải trả. Vợ chồng bà Th, ông T cũng đồng ý

trả nợ cho vợ chồng bà V. Do đó Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để buộc vợ chồng bà Th, ông T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng bà V, ông Y số tiền nợ đã vay 115.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 463, 466 BLDS 2015 và Điều 37 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[4] *Về án phí*: Cần buộc vợ chồng bà Th, ông T phải liên đới nộp án phí DS/ST; trả lại tiền tạm ứng án phí DSST cho bà V là phù hợp với quy định tại các Điều 146, 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; các Điều 146, 147, 203 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật TTDS;
- Các Điều 463, 466 và khoản 2 Điều 357 BLDS 2015;
- Điều 37 Luật HNGĐ năm 2014;
- Nghị quyết 326/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị V.

Buộc vợ chồng bà Trần Thị Th, ông Nguyễn T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng bà Nguyễn Thị V, ông Nguyễn Văn Y số tiền **115.000.000đ**. Chia phần bà Trần Thị Th phải trả cho vợ chồng bà Nguyễn Thị V, ông Nguyễn Văn Y số tiền 57.500.000 đồng và ông Nguyễn T phải trả cho vợ chồng bà Nguyễn Thị V, ông Nguyễn Văn Y số tiền 57.500.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ hoàn trả tiền thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất như sau:

- *Trường hợp các bên có thỏa thuận thì mức lãi suất không được vượt quá 20%/năm; Trường hợp các bên không có thỏa thuận thì mức lãi suất là 10%/năm; Theo quy định khác của pháp luật (nếu có).*

Về án phí:

- Buộc vợ chồng bà Trần Thị Th, ông Nguyễn T phải liên đới nộp 5.750.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Chia phần bà Trần Thị Th phải nộp 2.875.000 đồng án phí DSST và ông Nguyễn T phải nộp 2.875.000 đồng án phí DSST.

- Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị V số tiền 2.875.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số N. 0011895, ngày 21/4/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tánh Linh.

Án xử sơ thẩm. Nguyên đơn và người có quyền, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 17/8/2017. Bị đơn vắng mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai (Đã giải thích quyền kháng cáo).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tánh Linh;
- Các đương sự.....;
- Chi cục Thi hành án DS h.Tánh Linh;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Hạ Hải Hồ